

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 5 năm 2020

ĐIỂM THI

PHẦN II: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐCS VÀ LỊCH SỬ ĐCS VIỆT NAM
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 41, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm th	Bảng chữ	Ghi chú
1	Vũ Nguyệt Anh	1	59	7.0	Bảy	
2	Vũ Đình Bằng	2	37	7.0	Bảy	
3	Nguyễn Thị Biên	3	28	7.5	Bảy rưỡi	
4	Hầu Thị Minh Chi	4	-	-	-	Vắng thi
5	Nguyễn Thị Chuyên	5	15	8.0	Tám	
6	Nguyễn Mạnh Cường	6	33	7.5	Bảy rưỡi	
7	Dương Văn Dân	7	25	7.0	Bảy	
8	Dương Văn Đoàn	8	-	-	-	Vắng thi
9	Nguyễn Thị Giang	9	58	8.0	Tám	
10	Nguyễn Thị Hà	10	40	7.5	Bảy rưỡi	
11	Dương Văn Hải	11	20	7.5	Bảy rưỡi	
12	Nguyễn Văn Hải	12	69	7.5	Bảy rưỡi	
13	Nguyễn Thị Hoa	13	46	8.0	Tám	
14	Lương Văn Hoan	15	62	8.0	Tám	
15	Nguyễn Viết Hoan	16	16	7.5	Bảy rưỡi	
16	Ma Doãn Hội	17	-	-	-	Vắng thi
17	Vũ Văn Hội	18	09	7.0	Bảy	
18	Nông Thị Huệ	19	64	8.0	Tám	
19	Triệu Kim Huệ	20	54	8.0	Tám	
20	Trương Thế Hưng	21	50	7.5	Bảy rưỡi	
21	Dương Thu Hương	22	45	8.0	Tám	
22	Đỗ Thị Lan Hương	23	31	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Hoàng Thị Hương	24	24	8.0	Tám	
24	Trần Thị Lan Hương	25	55	8.0	Tám	
25	Đoàn Đình Khánh	26	57	7.5	Bảy rưỡi	
26	Nguyễn Trọng Khánh	27	30	8.0	Tám	
27	Lưu Phong Lan	28	35	7.0	Bảy	
28	Lương Thị Thu Lịch	29	49	8.0	Tám	
29	Hoàng Thanh Liêm	30	56	8.0	Tám	
30	Lê Thị Liễu	31	68	8.0	Tám	
31	Nguyễn Văn Linh	32	42	7.5	Bảy rưỡi	
32	Nguyễn Xuân Linh	33	47	8.0	Tám	
33	Ngô Tuấn Long	34	44	7.5	Bảy rưỡi	
34	Nguyễn Văn Mạnh	35	39	8.0	Tám	
35	Nguyễn Thị Ngân	36	60	7.5	Bảy rưỡi	
36	Đặng Thị Ngọc	37	17	7.5	Bảy rưỡi	
37	Lương Văn Ngọc	38	27	7.5	Bảy rưỡi	
38	Nguyễn Công Nguyên	39	19	7.0	Bảy	
39	Dương Thị Nguyệt	40	10	7.0	Bảy	
40	Phạm Thị Nguyệt	41	36	8.0	Tám	
41	Chu An Ninh	42	67	7.5	Bảy rưỡi	
42	Đào Thanh Phương	43	34	8.0	Tám	
43	Nguyễn Thanh Phương	44	70	7.0	Bảy	
44	Nguyễn Vũ Quang	45	23	7.0	Bảy	
45	Nguyễn Văn Quảng	46	06	8.0	Tám	
46	Bùi Thị Lệ Quyên	48	29	7.5	Bảy rưỡi	
47	Nguyễn Minh Thái	49	41	8.0	Tám	
48	Nguyễn Thị Thái	50	53	7.0	Bảy	
49	Đào Văn Thiét	51	22	7.0	Bảy	
50	Trần Tiên Thịnh	52	08	8.0	Tám	
51	Lã Thị Thơm	53	13	7.5	Bảy rưỡi	
52	Trần Thị Bằng Thương	54	18	8.0	Tám	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
53	Ngô Thị Thúy	55	51	8.0	Tám	
54	Lường Trọng Trách	56	65	7.5	Bảy rưỡi	
55	Lưu Văn Trình	57	12	7.0	Bảy	
56	Ma văn Trọng	58	48	7.0	Bảy	
57	Tạ Thị Tú	59	66	8.0	Tám	
58	Mai Anh Tuấn	60	43	8.0	Tám	
59	Lê Thị Ái Tuấn	61	07	7.0	Bảy	
60	Ma Thanh Tuấn	62	52	8.0	Tám	
61	Mai Đình Tuấn	63	38	7.5	Bảy rưỡi	
62	Nguyễn Đức Tùng	64	61	7.5	Bảy rưỡi	
63	Nguyễn Thị Tươi	65	32	8.0	Tám	
64	Dương Văn Tuyển	66	21	7.0	Bảy	
65	Dương Đức Vũ	67	14	7.5	Bảy rưỡi	
66	Đào Văn Vững	68	63	8.0	Tám	
67	Ma Thị Xuyên	69	11	8.0	Tám	
68	Nguyễn Thị Tám	75	26	7.5	Bảy rưỡi	
69	Lê Ngọc Hoa	70	01	8.0	Tám	P II-K48KTT
70	Nguyễn Thị Thu Hằng	71	02	7.5	Bảy rưỡi	P II-K9 Đồng Hỷ
71	Đặng Quang Dũng	72	03	7.0	Bảy	P V.2 – K46KTT
72	Phạm Trung Kiên	73	04	7.5	Bảy rưỡi	P V.2 – K46KTT
73	Mai Ngọc Tú	74	05	7.5	Bảy rưỡi	P V.2 – K46KTT

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA XDĐ
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên